

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

Bản án số: 06/2023/DS-PT

Ngày 15-02-2023

V/v Tranh chấp đất đai

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như

Các Thẩm phán: Ông Ngôn Ngọc Viên

Bà Nông Biên Hòa

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:
Bà Triệu Thị Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp đất đai*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị L, sinh năm: 1939; có mặt

- *Bị đơn:* Ông Mã Văn P, sinh năm: 1976;

Cùng trú tại: xóm G, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng; có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hoàng Văn K1, sinh năm 1936; Vắng mặt có lý do

- Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1977; Có mặt

Cùng trú tại: xóm G, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng.

Người làm chứng:

- Ông Mã Văn V, sinh năm: 1950; vắng mặt

- Bà Mã Thị N, sinh năm 1958; vắng mặt

- Ông Hoàng Văn Kh, sinh năm 1948; vắng mặt
 - Hoàng Thị K2, sinh năm 1967; Có mặt
- Cùng trú tại: xóm G, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng.

Người phiên dịch: Ông Dương Văn Sơn – Trú tại: Tổ Xuân Lập, TT Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; có mặt

- *Người kháng cáo:* bị đơn Mã Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 11 năm 2021 nộp tại Tòa án ngày 12 tháng 11 năm 2021, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lý Thị L trình bày:

Bà có chồng là Hoàng Văn K1, bà Hoàng Thị H1 là chị gái ruột của chồng bà. Trước đó, bà Hoàng Thị H1 có vay của bà số tiền 75 đồng tiền Trung Quốc. Đến năm 1969, do không có tiền trả nợ nên bà H1 đã bán mảnh đất tại xóm G, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng cho gia đình bà với giá 75 đồng tiền Trung Quốc để gán nợ. Vì là chị em, nên giữa bà và bà H1 không lập giấy tờ mà chỉ thỏa thuận bằng miệng. Cùng năm 1969, gia đình bà xây nhà 03 gian bằng đá và lợp ngói trên mảnh đất trên. Bà và chồng sinh sống ổn định tại ngôi nhà này từ năm 1969, đến năm 1992 thì chuyển lại cho con gái là Hoàng Thị K2 tiếp tục sử dụng. Đến năm 2020, khi gia đình chuyển nhà đi chỗ khác đã tiến hành dỡ bỏ ngôi nhà này thì ông Mã Văn P (Là con trai của bà Hoàng Thị H1) cho rằng đó là mảnh đất của mình và tự ý chõ đá, xây hàng rào đá xung quanh đất, nhổ tất cả số rau bà trồng trên đất và xúc phạm gia đình bà rất nhiều lần. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho gia đình bà tiếp tục sử dụng mảnh đất trên, ông P chấm dứt các hành vi ngăn cản gia đình bà sử dụng đất. Tài sản trên đất không yêu cầu ông P bồi thường thiệt hại. Đối với hàng rào ông P xây trên một phần diện tích đất đang tranh chấp bà yêu cầu ông P tự tháo dỡ và tự chịu mọi chi phí tháo dỡ phần hàng rào bằng đá (phía Bắc và phía Đông)

Bị đơn ông Mã Văn P trình bày: Mảnh đất này có nguồn gốc từ bố ông là ông Mã Văn Nùng để lại cho ông, năm 1976 bố ông có cho cậu là ông Hoàng Văn K1 (chồng bà L) sang làm nhà, bố có nói với ông rằng mảnh đất này bố cho cậu K1 làm nhà ở không trả tiền bạc và cũng không có giấy tờ gì, sau này khi cậu K1 không ở nữa thì gia đình ông sẽ tiếp tục canh tác, sử dụng đất. Cho đến năm 2020, khi gia đình bà L chuyển nhà đi chỗ khác, không ở tại mảnh đất này nữa thì ông lại tiếp tục sử dụng đất. Nay bà L yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng mảnh đất trên, ông không đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết cho gia đình ông tiếp tục quản lý, sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Hoàng Thị H trình bày: Về quan hệ, bà là vợ của ông P và là anh em trong họ với bà L. Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp bà được nghe bố mẹ chồng bà nói là của bố chồng để lại cho chồng bà (ông P). Từ khi bà về làm dâu năm 1998 - 1999 thì đã thấy bà L đang sinh sống trên đất, một thời gian sau bà L chuyển qua nhà khác thì thấy bà K2 là con gái bà L chuyển sang sinh sống cho đến năm 2018 - 2019 thì dọn đi chỗ khác. Đến năm 2020 chồng bà đến xây hàng rào. Hiện nay, trên đất chỉ có cây mọc tự nhiên. Nay bà L khởi kiện yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng thửa đất bà không đồng ý và nhất trí với ý kiến của chồng bà là ông P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Hoàng Văn K1 trình bày: Ông là chồng của bà Lý Thị L và là cậu của ông P. Nguồn gốc đất tranh chấp là của bên nội nhà Mã Văn P, đến năm 1969 gia đình ông ra đất dựng nhà sinh sống vì vợ ông nói mảnh đất này bà H1 nợ tiền vợ ông nên đã gán đất trả nợ, còn cụ thể thỏa thuận như thế nào thì ông không rõ. Vợ chồng ông sinh sống từ năm 1969 đến 1993 thì về ở với con trai. Con gái là Hoàng Thị K2 tiếp tục ở ngôi nhà này đến khoảng năm 2019 thì dọn sang nhà khác, hiện nay trên đất không còn ai ở, đã dỡ bỏ phần mái nhà khi con gái dọn đi. Phần đất tranh chấp hiện nay vợ chồng ông chưa chia cho bất cứ ai. Nay vợ ông, bà Lý Thị L làm đơn khởi kiện, ông hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của vợ ông.

Người làm chứng Hoàng Thị K2 trình bày: Bà là con ruột của bà Lý Thị L, ông P là con của bá, bà và ông P là anh em họ. Về nguồn gốc mảnh đất, trước đây, mảnh đất là của gia đình ông P, mẹ của ông P là chị gái của bố bà nợ tiền mẹ bà và đã bán mảnh đất đó cho gia đình bà để gán nợ. Đến năm 1969 thì bố mẹ bà dựng nhà sinh sống. Cho đến năm 1997 - 1998, bố mẹ dọn sang nhà khác thì bà từ nhà chồng về và tiếp tục sinh sống tại ngôi nhà trên, đến năm 2019 thì chuyển sang nhà khác và năm 2020 dỡ nhà. Hiện tại bố mẹ bà vẫn chưa chia cho ai mảnh đất trên, trước đó chỉ cho bà ở nhờ. Nay bà L yêu cầu gia đình ông P không được tranh chấp mảnh đất trên, bà hoàn toàn nhất trí với ý kiến khởi kiện của bà L.

Người làm chứng Mã Thị N trình bày: Bà là chị gái ruột của Mã Văn P. Ông Mã Văn Nùng là bố đẻ của bà, ông có tổng cộng 05 người con, trong đó có 04 con gái và 01 con trai là Mã Văn P. Nguồn gốc mảnh đất đang tranh chấp hiện tại là của bố bà để lại cho em trai Mã Văn P. Bố bà có nói với bà rằng mảnh đất này bố cho ông K1 và bà L mượn đất làm nhà, khi không làm nhà nữa thì sẽ trả lại, còn về chuyện vay mượn bà không rõ. Bà L đã xây nhà trên mảnh đất này từ lâu bà không nhớ rõ thời gian, khoảng 1990 - 1991, bà nghe mọi người nói rằng bà L dọn sang làng khác và cho con gái là bà K2 vào ở. Đến năm 2019, em trai bà là P đến dựng hàng rào quanh đất. Những việc khác bà không biết. Nay

bà L yêu cầu ông P trả lại đất cho bà L tiếp tục sử dụng, bà không nhất trí, vì bố bà chỉ cho mượn đất làm nhà, khi không làm nhà nữa sẽ do P sử dụng.

Người làm chứng Hoàng Văn Kh trình bày: Ông là bố vợ của Mã Văn P và là hàng xóm của bà L. Mảnh đất hiện nay đang tranh chấp có nguồn gốc từ ông Mã Văn Nùng. Khi ông Kh khoảng 40 tuổi thì bà L về xây nhà và sinh sống trên mảnh đất này, đến nay được khoảng gần 40 năm. Năm 1990 - 1991, bà L sang làng khác sinh sống và có con gái là bà Hoàng Thị K2 tiếp tục sinh sống tại căn nhà này. Đến khoảng năm 2015 thì bà K2 cũng dọn đi, sau đó phá dỡ nhà. Từ đó đến nay đất để không làm gì. Đến năm 2019, P tới xây hàng rào bằng đá quanh đất, bên giáp với đường đi lại cao khoảng 80cm, bên giáp với các nhà khác cao khoảng 20cm. Nay bà L yêu cầu P trả lại đất cho bà L tiếp tục sử dụng, ông thấy không đúng vì nguồn gốc đất là của nhà nội P.

Người làm chứng Mã Văn V trình bày: Ông là chú họ của ông Mã Văn P. Nguồn gốc mảnh đất đang tranh chấp là do bố của ông Nùng để lại cho ông Nùng. Đến năm 1980, khi ông đi bộ đội về đã thấy bà L dựng nhà và sinh sống trên mảnh đất đấy, sự việc cụ thể như thế nào ông không rõ. Đến khoảng năm 1990 - 1991, bà L sang làng khác, con gái là Hoàng Thị K2 đến sinh sống tại đây. Đến năm 2015 thì K2 dọn đi. Khoảng 2017 - 2018 gia đình bà L mới dỡ nhà, từ đó đến nay không ai quản lý hay canh tác đất. Đến năm 2019 thì P đến xây hàng rào xung quanh đất. Nay bà L yêu cầu P trả lại đất cho bà L tiếp tục sử dụng, ông thấy không đúng vì nguồn gốc đất là của P.

Tại Biên bản xác minh ngày 12 tháng 4 năm 2022 đối với ông Hoàng Văn Bội - Trưởng xóm G, nội dung thể hiện: Bà Lý Thị L đã làm nhà tại mảnh đất đang tranh chấp khoảng gần 50 năm. Về nguồn gốc đất là của gia đình nhà ông P, việc thỏa thuận chuyển nhượng đất thì ông không nắm được. Đến năm 2019 ông P có xây tường rào bao quanh đất, khi xây ông Nông Văn No có ý kiến đối với anh P, bên phía Bắc hàng rào có lấn ra đường đi lại. Nền nhà của bà L không lấn chiếm đến đường đi lại và các hộ xung quanh.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất đang tranh chấp theo đơn yêu cầu của nguyên đơn bà Lý Thị L. Kết quả như sau:

- Kiểm tra trên bản đồ, đất đang tranh chấp thuộc thửa đất số 199, tờ bản đồ số 11 và chưa được cấp GCNQSDĐ.

- Đo trên thực tế:

- + Phần ranh giới đất nguyên đơn yêu cầu và phần ranh giới bị đơn yêu cầu khác nhau, tuy nhiên phần diện tích đất theo nguyên đơn yêu cầu thuộc thửa đất số 199, tờ bản đồ số 11, có diện tích đo đạc thực tế 190,6m² và nằm trong

phần diện tích đất theo yêu cầu của bị đơn, có cùng tứ cận như sau: phía Bắc giáp với đường đi lại; Phía Nam giáp với đất của ông Hoàng Văn Tường; Phía Đông giáp với đường đi lại; Phía Tây giáp với đất của ông Hoàng Văn Điện, Hoàng Văn Động và Long Văn Lâm. Hiện trạng trên đất có một số tài sản (Tài sản cụ thể được thể hiện tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/4/2022.

+ Đối với ranh giới theo nguyên đơn yêu cầu, thửa đất có diện tích 190,6m²; Đối với ranh giới theo bị đơn yêu cầu, diện tích của thửa đất là 297,2m². Diện tích chênh lệch giữa nguyên đơn và bị đơn chỉ là 188,4m². Hiện trạng trên đất: Có cây mọc tự nhiên, 01 ngôi nhà bằng đá đã dỡ phần mái, còn khung nhà bằng đá, 01 hàng rào xung quanh ngôi nhà xây bằng đá (Tài sản cụ thể được thể hiện tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/4/2021. Tài sản trên đất không tranh chấp, hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hai bên đương sự nhất trí với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Hội đồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn xác định không có tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng thuộc thửa đất số 199, tờ bản đồ số 11, diện tích theo đoàn thẩm định đo đạc là 190,6m² và yêu cầu ông P phá dỡ hàng rào ở phía Bắc và phía Đông của thửa đất tranh chấp, tự chịu chi phí tháo dỡ và chấm dứt các hành vi ngăn cản gia đình bà sử dụng đất. Tài sản trên đất không yêu cầu ông P bồi thường thiệt hại.

Bị đơn xác định không có tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm và không nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn.

Những người làm chứng có mặt trình bày ý kiến như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn ý kiến gì bổ sung thêm.

Tại bản án sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 09/2022/TB-TA ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng đã:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 156, Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 169 Bộ luật Dân sự 2015; Các Điều 5, Điều 26, Điều 99, Điều 100, Điều 125, Điều 166, Điều 203; Điều 210 Luật Đất đai 2013; khoản 2 Điều

26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu lấy lại thửa đất đang tranh chấp số 199, tờ bản đồ số 11, có diện tích đo thực tế 190,6m² và yêu cầu ông P phá dỡ hàng rào ở phía Bắc và phía Đông của thửa đất tranh chấp, tự chịu chi phí tháo dỡ và chấm dứt các hành vi ngăn cản gia đình bà L sử dụng đất.

Bà Lý Thị L được quản lý, sử dụng:

Thửa đất số 199, tờ bản đồ số 11 (Theo bản đồ đo đạc địa chính năm 2001) với diện tích đo đạc theo ranh giới của nguyên đơn là 190,6m² tọa lạc tại xóm G, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng. Tờ cận: phía Bắc giáp với đường đi lại; Phía Nam giáp với đất của ông Mã Văn P; Phía Đông giáp với đường đi lại; Phía Tây giáp với đất của ông Hoàng Văn Điện, ông Hoàng Văn Động và ông Long Văn Lâm (có sơ đồ vị trí khu đất tranh chấp kèm theo). Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lý Thị L được thực hiện theo quy định của Luật đất đai năm 2013.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Mã Văn P hoàn trả cho bà Lý Thị L số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

3. Về án phí: Buộc ông Mã Văn P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước. Bà Lý Thị L được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0004093 ngày 23 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Cao Bằng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28 tháng 9 năm 2022 Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn Mã Văn P, kháng cáo bản án sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết cho bị đơn được quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm.

Bị đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX xem xét cho bị đơn được quyền sử dụng đất tại thửa đất số 199, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xóm G, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng.

Nguyên đơn trình bày: Không nhất trí với nội dung kháng cáo của bị đơn, yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà bà Hoàng Thị H trình bày: Nhất trí với yêu cầu của ông P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa phúc thẩm. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như phần trình bày tại phiên tòa của các đương sự xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn Lý Thị L khởi kiện yêu cầu Tranh chấp đất đai, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án với quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp đất đai” là đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bà Lý Thị L khởi kiện ông Mã Văn P, bị đơn Mã Văn P cũng như diện tích đất tranh chấp đều có địa chỉ tại xóm G, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng. Theo quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của bị đơn:

Bị đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy: Đất tranh chấp thuộc thửa đất số 199, tờ bản đồ số 11 (Theo bản đồ đo đạc địa chính năm 2001) với diện tích đo đạc thực tế theo ranh giới của nguyên đơn xác định là 190,6m² tọa lạc tại xóm G, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng. Thửa đất trên chưa được đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và chưa được cấp GCNQSDĐ.

Về nguồn gốc đất: Cả nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều xác nhận thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của ông Mã Văn Nùng và bà Hoàng Thị H1 tức bố và mẹ của ông Mã Văn P, các lời khai đều không có mâu thuẫn, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Lý Thị L cho rằng vào năm 1969 bà Hoàng Thị H1 do nợ bà 75 đồng tiền Trung Quốc nên đã bán mảnh đất trên cho bà với giá 75 đồng tiền Trung Quốc, nhưng bà L không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc chuyển nhượng trên. Còn đối với ông P, ông cho rằng bố ông là ông Nùng cho gia đình ông K1 và bà L sử dụng đất để xây nhà ở, khi gia đình bà L không sử dụng nữa thì ông P sẽ tiếp tục sử dụng nhưng cũng không có tài liệu cũng như nhân chứng chứng minh việc ông Nùng cho gia đình ông K1 bà L mượn đất xây nhà.

Thực tế quá trình quản lý, sử dụng: căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, bị đơn và lời khai của những người làm chứng, đều xác nhận gia đình bà L đã trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất trên công khai, liên tục, từ năm 1969 năm 2020 thì mới xảy ra tranh chấp. Từ khi gia đình bà L quản lý, sử dụng thửa đất tranh chấp, gia đình ông P cũng không có ý kiến phản đối và cũng chưa yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết việc tranh chấp. Hơn nữa từ khi bố mẹ ông P còn sống, cũng chưa bao giờ làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 199, tờ bản đồ số 11 với cơ quan có thẩm quyền. Do đó có căn cứ để khẳng định bà L có quá trình quản lý sử dụng từ năm 1969 đến năm 2020.

Đối với 1,9 m² theo sơ đồ trích đo thửa đất ngày 12/4/2022 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường tỉnh Cao Bằng xác định được thực tế là Lý Thị L đã sử dụng lấn vào thửa 201, tờ bản đồ số 11 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 832489 cho hộ ông Hoàng Văn Lữ với diện tích 1,9m². Tại biên bản xác minh ngày 26 tháng 8 năm 2022 đối với ông Hoàng Văn Điện và bà Hoàng Thị Heo là con trai và con dâu của ông Hoàng Văn Lữ đã có ý kiến gia đình không yêu cầu lấy lại phần diện tích 1,9m² mà nhất trí để cho bà L quản lý sử dụng và không yêu cầu tham gia tố tụng. Do đó cấp sơ thẩm tuyên cho nguyên đơn quản lý sử dụng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại điều 236 Bộ luật dân sự 2015 quy định “ *Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 10 năm đối với động sản, 30 năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó, kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác*”.

Do đó, cấp sơ thẩm nhận định chấp nhận yêu cầu được quyền sử dụng thửa đất số 199, tờ bản đồ số 11, diện tích theo đo đạc thực tế là 190,6m² của nguyên đơn bà Lý Thị L, yêu cầu ông P phá dỡ hàng rào ở phía Bắc và phía Đông của thửa đất tranh chấp, tự chịu chi phí tháo dỡ và chấm dứt các hành vi ngăn cản gia đình bà sử dụng đất là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn có đơn kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu kháng cáo, do đó không có căn cứ để chấp nhận. Từ những phân tích và nhận định như trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn Mã Văn P là không có căn cứ, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm sung vào ngân sách nhà nước theo quy định, theo điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Mã Văn P. Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 09/2022/TB-TA ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng.

2. Về án phí: Ông Mã Văn P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004226 ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Cao Bằng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh CB;
- Chi cục THADS huyện K;
- TAND huyện K;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Như